

PHONG TRÀO LƯU HỌC CỦA THANH NIÊN NHẬT BẢN VÀO THỜI MEIJI

NGUYỄN TIẾN LỰC*

G iáo sư Edwin O. Reischauer là một trong những chuyên gia sử học Đông Á nổi tiếng thế giới. Đối với lịch sử Nhật Bản, khi nghiên cứu về người Nhật, ông đã nhận xét: Người Nhật có một ưu điểm đặc biệt là họ chứng tỏ khả năng học tập (văn hoá, khoa học) từ nước ngoài rất tài tình (1). Nhận xét này rất được sự đồng tình của nhiều nhà nghiên cứu Nhật Bản. Trong lịch sử, Nhật Bản đã nhiều lần cử các đoàn lưu học sinh sang nước Đông Á học tập, tiếp thu nền văn minh đại lục, trong đó chủ yếu là văn minh Tuỳ - Đường để phát triển đất nước. Bước vào thời Cận đại, khi nhận thức được sự tiến bộ vượt bậc của văn minh phương Tây thì Nhật Bản đã chủ trương gửi thanh niên sang Âu-Mỹ học tập để văn minh hoá, Cận đại hoá đất nước.

Sau khi lật đổ chế độ Bakufu (Mạc Phủ), Chính quyền Meiji (Minh Trị) đã tiến hành nhiều biện pháp để nhanh chóng tiếp thu văn minh phương Tây: dịch sách báo của phương Tây phổ biến ở Nhật, thuê chuyên gia phương Tây làm cố vấn và giảng dạy ở Nhật và gửi học sinh sang phương Tây lưu học. Việc xúc tiến dịch các sách báo phương Tây để nhanh chóng phổ biến tri thức mới cho người Nhật đã ít nhiều có hiệu quả trong việc hiểu biết khoa học kỹ thuật và văn hoá phương Tây. Nhưng công việc đó

cũng có hạn chế khi mà việc dịch thuật không chính xác hoặc không diễn tả chân thực của nguyên bản. Còn việc mời chuyên gia nước ngoài đến cố vấn, chỉ đạo, giảng dạy mặc dù điều đó có tác dụng lớn trong việc tiếp thu những tri thức tiên tiến trên thế giới nhưng đó vẫn chỉ là sự tiếp xúc một cách gián tiếp và không phải biện pháp lâu dài. Chỉ có việc gửi học sinh ra nước ngoài lưu học mới có khả năng tiếp thu văn minh phương Tây một cách trực tiếp và hiệu quả hơn cả. Đó là chính sách cơ bản và lâu dài để người Nhật nắm quyền chủ đạo trong công cuộc xây dựng nền khoa học, văn hoá, giáo dục độc lập, tự chủ và tiên tiến (2).

I. PHONG TRÀO LƯU HỌC ÂU - MỸ CỦA SINH VIÊN NHẬT BẢN THỜI MEIJI

1. Phong trào lưu học cuối thời Bakufu (1862-1867)

Trước khi Chính quyền Meiji được thành lập, vào cuối thời Bakufu, ở Nhật Bản đã có phong trào lưu học ở các nước Âu - Mỹ. Trong thời kỳ đó có hai loại lưu học sinh (3). *Loại thứ nhất* là các nhà ngoại giao. Chính quyền Bakufu đã cử các phái đoàn ngoại giao đi thăm và thị sát Âu - Mỹ. Đó là các chuyến đi thăm Mỹ và các nước châu Âu vào các năm 1860, 1862, 1864 và

* TS. Khoa Đông Phương học. Trường ĐHKHXH&NV- ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.

1867. Mục đích của các chuyến đi này chủ yếu là thực hiện các sứ mệnh ngoại giao nhưng đồng thời còn tiến hành khảo sát về chế độ và văn hoá các nước phương Tây. Các tùy viên trẻ tuổi trong sứ đoàn đã có cơ hội rất tốt để tìm hiểu nền chính trị, văn hoá và giáo dục phương Tây. Qua các chuyến đi như vậy, các trí thức trẻ hiểu biết tình hình phương Tây nhiều hơn và phần lớn họ đã từ bỏ thái độ chống phương Tây, góp phần xúc tiến xây dựng mối quan hệ hiểu biết lẫn nhau với các nước phương Tây. Trong số đó, trước hết phải kể đến Fukuzawa Yukichi (1835-1901), người đã tích cực cổ vũ việc học tập văn minh phương Tây để Cận đại hoá Nhật Bản.

Loại thứ hai là lưu học sinh thuần tuý. Trong loại này cũng có thể chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất là lưu học sinh do Chính quyền Bakufu chính thức cử đi học. Đó là các lưu học sinh được gửi sang học ở Hà Lan năm 1862, ở các nước châu Âu khác năm 1865, sang Anh năm 1866. Số lưu học sinh này chủ yếu học về quân sự, hàng hải, chính trị của phương Tây nhằm đáp ứng nhu cầu cần thiết và cấp bách cho công tác ngoại giao cuối thời Bakufu. Nhưng những lưu học sinh này thường chỉ lưu học ngắn ngày và sau đó phải về nước nên việc học tập những kiến thức mới vẫn còn ít và không vững chắc. Mặc dù vậy, nhiều lưu học sinh trong số này đều có được một cái nhìn khách quan về tình hình thế giới và tình thế Nhật Bản, đã có nhiều kiến nghị thích hợp cho Bakufu lựa chọn chính sách mở cửa (*kaikoku*), một sự lựa chọn khó khăn nhằm bảo vệ độc lập và thống nhất quốc gia. Nhóm thứ hai là lưu học sinh do các Han (Phiên) cử đi. Đó là các nhóm lưu học sinh của Han ở Choshu gửi sang Anh học vào năm 1863 và của Han ở Satsuma gửi sang Anh học vào năm 1865. Choshu và Satsuma là hai thế lực

đối lập lớn nhất của Chính quyền Bakufu. Các lưu học sinh do hai Han này gửi đi học với mục đích là đào tạo thành những nhà lãnh đạo phục vụ cho sự nghiệp chống Bakufu và nắm quyền lãnh đạo đất nước sau này. Trong số các lưu học sinh đó, nổi tiếng nhất là Ito Hirobumi (1841-1909) của Choshu, về sau trở thành nhân vật trung tâm, nhà kiến trúc của Nhật Bản Cận đại (4).

2. Phong trào lưu học Âu-Mỹ của sinh viên Nhật Bản thời Meiji.

a. Giai đoạn thứ I (1868-1874)

Ngay sau khi lật đổ Chính quyền Bakufu, năm 1868, Chính quyền Meiji non trẻ đã ra lệnh cho các lưu học sinh được cử đi từ thời Tokugawa phải về nước. Đó là hành động tức thời, nông nổi, không thực tế và có tính chất bài xích các chính sách của Bakufu. Do vậy, trên thực tế mệnh lệnh đó của Chính quyền Meiji không được thực hiện một cách triệt để. Chỉ có khoảng 20 lưu học sinh từ Anh, Pháp, Hà Lan chấp hành mệnh lệnh quay về Nhật còn hầu hết lưu học sinh vẫn tiếp tục học tập ở các nước Âu-Mỹ.

Nhưng ngay năm sau, năm 1869, các nhà lãnh đạo chính quyền mới thấy rằng để nhanh chóng tiếp thu khoa học, kỹ thuật, chế độ và luật pháp phương Tây, cần phải khẩn cấp cử các học sinh có năng lực, trước hết là con em của các công khanh triều đình và các Han gửi sang các nước phương Tây lưu học. Chính phủ Meiji đã tiến hành tuyển chọn và sử dụng ngân sách của Nhà nước gửi các học sinh ưu tú ra nước ngoài học tập. Thế nhưng việc Chính phủ đặt ưu tiên cho con em của các công khanh và các Han trong việc tuyển chọn lưu học sinh là không công bằng, rất nhiều trường hợp được tuyển chọn không phải do năng lực mà do thành phần xã hội hay là sự quen biết các quan

chức chính quyền. Điều này đã gây ra tình trạng bất mãn trong xã hội, vì vậy năm 1871, Chính phủ Meiji phải sửa đổi và ban hành *Quy chế về lưu học sinh (Kaigai Ryugakusei Kisoku)*. Theo đó, việc tuyển chọn phải tiến hành một cách tự do, dựa vào năng lực của học sinh, không phân biệt thành phần xã hội và việc gửi học sinh đó đến học nước nào, trường nào, ngành nào là do Chính phủ quyết định. Ngay từ lúc đó, Chính quyền Meiji đã biết lựa chọn các nước có ngành học nổi tiếng nhất ở các trường đại học Âu-Mỹ để gửi lưu học sinh của mình đến đó học tập. Nếu trước đây hầu hết lưu học sinh là con em của những người có địa vị trong xã hội nên họ coi du học như đi du lịch hay thị sát ở nước ngoài mà không thật chú tâm vào việc học tập thì lần này các lưu học sinh đều xác định rõ mục đích lưu học và chủ động trong việc học tập. Chính phủ Meiji căn cứ vào các ngành cần đào tạo mà quyết định gửi lưu học sinh sang các trường có ngành học tốt nhất. Học về máy móc, thương nghiệp, tài chính tiền tệ, đóng tàu, gia súc, hoạt động từ thiện thì đi Anh; Học về luật, luật quốc tế, động vật học và thực vật học thì đi Pháp; Học về chính trị học và y học thì đi Đức; Học về bưu chính, công nghệ, nông học, gia súc, thương mại, khai khoáng thì đi Mỹ... (5). Ngoài ra, để nâng cao tinh thần dân tộc, các lưu học sinh còn được cấp học bổng từ ngân sách Chính phủ, trước lúc ra đi đều đến viếng đền thờ Shinto, làm lễ dâng rượu thần, thề nguyện quyết tâm học tập và trở về nước phục vụ Tổ quốc.

Song song với chính sách trên, Chính phủ Meiji vẫn khuyến khích các công khanh triều đình và quan chức Chính phủ gửi con em của mình sang các nước phương Tây lưu học. Rõ ràng, bên cạnh hy vọng lưu học sinh do Chính phủ cử đi sẽ là hạt nhân để xây dựng nền khoa học kỹ

thuật và văn hoá mới cho Nhật Bản, Chính quyền Meiji vẫn hy vọng con em của công khanh và quan chức Chính phủ sẽ nắm quyền lãnh đạo chính trị của đất nước sau này.

Với những chính sách như vậy số lượng lưu học sinh kể cả kinh phí Chính phủ lẫn tự phí tăng lên nhanh chóng. Theo thống kê sơ bộ năm 1870, số lượng lưu học sinh là 170 người, năm 1871 là 441 người. Trong đó, lưu học sinh hưởng học bổng Chính phủ, năm 1870 có 130 người, năm 1871 có 354 người. Chỉ tính riêng lưu học sinh Nhật Bản ở Mỹ, từ năm 1868 đến 1872 có hơn 500 người, riêng năm 1872 có 200 người (6). So sánh với các nước khác thì lưu học sinh Nhật Bản ở Mỹ là nhiều nhất. Điều này có nhiều lý do: Một là, về mặt giao thông, lúc đó đi từ Nhật đến Mỹ thuận lợi hơn đến châu Âu; Hai là, cả Chính phủ lẫn nhân dân Nhật đều có cảm tình với Mỹ hơn so với các nước châu Âu; Ba là, có nhiều nhà truyền giáo Mỹ đến Nhật và họ đóng vai trò trung gian, tích cực quảng bá du học ở Mỹ; Bốn là, Mỹ là quốc gia mới, phát triển nhanh chóng, về học thuật thì khai phóng, tự do, dễ thích hợp với người Nhật hơn là nền học thuật châu Âu có truyền thống lâu đời và mang nặng tính hàn lâm.

Tuy nhiên việc tăng nhanh số lượng lưu học sinh không phải là điều hoàn toàn tốt, bởi cùng với nó là chất lượng lưu học sinh có xu hướng giảm. Trong chuyến đi của Sứ đoàn Iwakura vào năm 1871-1873, sứ đoàn cũng đã bắt đầu tiến hành điều tra tình hình lưu học sinh ở các nước Âu-Mỹ. Năm 1872, Chính phủ ban hành *Học chế (Gakusei)*, chú tâm vào việc xây dựng nền tảng cho nền giáo dục Cận đại mang tính chất tiên tiến và dân tộc của Nhật Bản. Vì thế, chính sách về lưu học sinh của Nhật Bản cũng thay đổi.

b. Giai đoạn thứ II (1875-1881)

Như đã trình bày ở trên, do chính sách khuyến khích của Chính phủ, đã có rất nhiều lưu học sinh ưu tú ra nước ngoài học vì vậy mà thiếu các học sinh giỏi vào học các trường trong nước, gây ảnh hưởng ít nhiều đến uy tín của các trường học ở Nhật Bản. Hơn nữa, cũng có nhiều ý kiến cho rằng, việc Chính phủ cấp học bổng bằng ngân sách Nhà nước đã tạo ra gánh nặng tài chính cho đất nước và không hẳn là biện pháp tốt để kích thích lưu học sinh học tập (7). Vì vậy, năm 1875, Bộ Giáo dục lại ban hành quy chế mới - *Quy chế cho vay tiền đi lưu học (Monbusho Taihi Ryugakusei Kisoku)*. Theo đó, Bộ Giáo dục kết hợp với Bộ Tài chính sẽ cho lưu học sinh vay tiền đi học và sau khi về nước làm việc sẽ trả dần. Quy chế cũng nói rõ việc gửi lưu học sinh đi đào tạo lần này là nhằm đào tạo cán bộ khoa học để thay thế cho các chuyên gia nước ngoài. Theo quy chế mới này, việc tuyển chọn những tài năng trẻ đi lưu học được giao cho các trường nổi tiếng như Trường Tokyo Kaisei (tiền thân của Đại học Tokyo), Trường Sư phạm Aichi (Nagoya), Trường Keio Gijuku... chứ không phải Bộ trực tiếp chuyển chọn như trước nữa. Việc tuyển chọn thông qua một loạt bài thi: tiếng nước ngoài do giáo viên nước ngoài phụ trách, về kiến thức chuyên môn do giáo viên Nhật phụ trách. Trước khi đi, các lưu học sinh được bồi dưỡng thêm kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ nhờ đó mà khi ra nước ngoài, họ không gặp khó khăn gì đặc biệt.

Năm 1882, Chính phủ tiếp tục ban hành *Quy chế lưu học sinh quốc phí (Kanhi Kaigai Ryugakusei Kisoku)*, chủ yếu vẫn tuyển chọn số sinh viên học ở Đại học Tokyo Kaisei và các trường đại học quốc lập và dân lập danh tiếng khác. Quy chế quy định các lưu học sinh phải tuân thủ nghiêm túc quyết định về ngành, về

khoa và trường được cử đi học và có nghĩa vụ phục vụ đất nước sau khi học xong. Các quy định này vẫn tiếp tục được thực hiện một cách nhất quán cho đến giữa thế kỷ XX (8).

Về chất lượng, so với giai đoạn trước, lưu học sinh Nhật Bản của giai đoạn này có chất lượng cao hơn, thành tích học tập tốt hơn. Họ được lựa chọn từ các trường nổi tiếng ở Nhật và được bồi dưỡng thêm kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ. Họ cũng xác định rõ mục đích học tập là để trở thành những nhà khoa học thay thế các chuyên gia nước ngoài và chủ động trong việc xây dựng nền khoa học - kỹ thuật và văn hoá Cận đại Nhật Bản. Thành tích học tập của họ không thua kém gì, có khi còn tốt hơn học sinh các nước sở tại. Nhiều lưu học sinh đã nhận được học vị cao quý của các trường danh tiếng ở nước ngoài, tham gia nhiều học hội quốc tế nổi tiếng. Họ là tầng lớp tinh hoa (elite) của xã hội Nhật Bản. William Griffis nhận xét rằng: "Lưu học sinh Nhật Bản là đại biểu cho trí tuệ Nhật Bản, đại biểu cho những người có địa vị cao trong xã hội và cũng là người đại biểu cho văn hoá truyền thống của Nhật. Họ không phải là những người Nhật bình thường. Họ là những người xuất sắc nhất, có tính thông minh di truyền, có nhân cách và rất năng động" (9).

II. VỀ SỐ LƯỢNG LƯU HỌC SINH

Do thời điểm thống kê, xuất xứ và cách tính toán khác nhau nên các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều con số về số lượng lưu học sinh Nhật Bản. Theo thống kê của Ogata Yukiyasu, từ năm 1861 đến 1867 có 92 học sinh được gửi ra nước ngoài lưu học, trong đó có 47 người nhận kinh phí của Bakufu và 45 người nhận học phí của Han. Về số lượng lưu học sinh ở các nước thì có 40 người sang học ở Anh, 17 người sang Mỹ, 16 người sang Pháp, 13 người

sang Hà Lan, 6 người sang Nga (10). Còn Charles Lanham thì chỉ ra rằng trong giai đoạn đầu của phong trào du học của người Nhật, vai trò của Mỹ là rất lớn vì đến năm 1866 có tới 300 học sinh lưu học ở Mỹ. Một thống kê khác của Ishizuki Minoru cho biết rằng năm 1872 ở Mỹ có khoảng 200 lưu học sinh Nhật và lúc bấy giờ sinh viên Nhật Bản rất thích học tập ở Mỹ. Ishizuki còn đưa ra một bảng thống kê chi tiết số lượng lưu học sinh trong giai đoạn đầu của thời Meiji, từ năm 1868 đến 1874 như sau (xem bảng):

Về số lượng tổng quát, James Conte sử dụng tư liệu của Bộ Ngoại giao thời kỳ Meiji thì từ 1868 đến 1902, Chính phủ đã cấp 11.248 hộ chiếu du học và cho rằng con số đó rất đáng tin cậy. Ông còn cho biết số hộ chiếu dành cho lưu học sinh đó chỉ chiếm có 3% hộ chiếu Chính phủ cấp cho công dân Nhật đi ra nước ngoài. Ông cũng cho biết rằng, cùng thời kỳ có khoảng 115 lưu học sinh do Chính phủ Meiji cấp

kinh phí. Và trong số đó có 57% hộ chiếu cấp cho lưu học sinh sang Mỹ học tập. Conte còn đưa ra con số thống kê cụ thể hơn về lai lịch của 655 học sinh Nhật Bản ở hơn 100 trường đại học và trung học chuyên nghiệp của Mỹ (11). Theo thống kê những năm 1870, số lưu học sinh học về khoa học tự nhiên và kỹ thuật chiếm hơn một nửa vì lúc đó Nhật rất cần học tập nền khoa học kỹ thuật tiên tiến của Âu-Mỹ. Còn, theo nghiên cứu của Ishizuki và Watanabe, thì những năm 1880 có 3 lĩnh vực mà lưu học sinh Nhật ưa thích là khoa học xã hội và nhân văn, luật học và khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Còn những năm 1990 thì lưu học sinh Nhật thường học khoa học cơ bản ở Nhật, còn muốn đi sâu chuyên môn thì mới sang lưu học ở châu Âu, đặc biệt là Đức (12). Những sinh viên lưu học từ nước ngoài, nhất là ở châu Âu về thường có vị trí và đặc quyền cao trong các trường đại học, cơ quan khoa học, các bộ và trong xã hội.

Biểu thống kê số lượng lưu học sinh Nhật Bản (1868-1874)

	1868	1869	1870	1871	1872	1873	1874	Tổng số
Mỹ	3	5	69	80	44	2	6	209
Anh	6	5	55	71	18	10	3	168
Đức		2	32	34	7	6	1	82
Pháp	3		25	17	15			60
Nga			4	4	1			9
Trung Quốc				7		7		7
Áo					1	4		5
Bỉ			2	2				4
Hồng Kông				2				2
Ý				1		1		2
Hà Lan		1						1
Thụy Sĩ	1							1
Tổng số	13	13	187	218	86	23	10	550

Nguồn: Ishizuki Minoru. *Kindai Nihon no kaigai ryugakusei (Lịch sử lưu học nước ngoài của Nhật Bản thời Cận đại)*, Minerva, 1972, tr. 151. Tác giả có sắp xếp lại.

III. VAI TRÒ CỦA LƯU HỌC SINH ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP CẬN ĐẠI HOÁ NHẬT BẢN

Để thấy rõ hơn những đặc điểm của lưu học sinh Nhật Bản vào nửa sau thế kỷ XIX, ta có thể so sánh với lưu học sinh Trung Quốc cùng thời. Từ năm 1846, Trung Quốc đã cử 5 lưu học sinh ra nước ngoài lưu học. Trong số đó có Dung Hoàn (1828-1912), sau khi về nước đã tích cực thỉnh cầu triều đình đưa học sinh ra nước ngoài lưu học. Năm 1872, Trung Quốc cũng đã cử 120 người sang Mỹ, và sau đó còn cử nhiều người sang các nước Đức, Pháp, Anh lưu học. Nhưng lưu học sinh Trung Quốc là những người còn quá trẻ, khi đi lưu học mới có một ít kiến thức phổ thông, chưa thông thạo ngoại ngữ và cũng không có ý thức dân tộc sâu sắc. Điểm khác nhau lớn với lưu học sinh Nhật Bản là lưu học sinh Trung Quốc sau khi học xong, về nước thường không có chỗ để sử dụng những kiến thức học được (không có đất dụng võ) vì thái độ bài học thuật phương Tây của nhà Thanh. Hơn nữa, chế độ khoa cử vẫn còn tồn tại ở Trung Quốc và đó là chế độ duy nhất tuyển chọn quan lại cho đất nước (13). Còn ở Nhật, Chính phủ coi việc gửi lưu học sinh sang phương Tây học là phương pháp tốt nhất để tiếp nhận kiến thức và văn minh phương Tây. Các lưu học sinh rất quan tâm tới những vấn đề trong nước, sau khi về nước họ đóng vai trò tích cực trong sự nghiệp giáo dục, phổ biến kiến thức tiên tiến cho quốc dân, góp phần thực hiện thành công công cuộc hiện đại hoá đất nước.

Vào thời Meiji, những người nắm thực quyền ở Nhật Bản hầu hết đều đã có kinh nghiệm nhất định vì họ đã từng có thời gian đi thị sát và lưu học ở phương Tây. Ví như, các nhà lãnh đạo cao nhất của Chính

quyền Meiji thời kỳ đầu như Iwakura Tomomi, Okubo Toshimichi, Kido Takayoshi... đều đã từng có thời gian dài thị sát ở Âu-Mỹ, các nhân vật trung tâm của Chính quyền Meiji thời kỳ sau như Okuma Shigenobu, Ito Hirobumi, Inoue Kaoru, Yamagata Aritomo, Saigo Tsugumichi... đã từng du học ở châu Âu. Còn các lưu học sinh trong giai đoạn thứ II của thời Meiji là những người đi tiên phong trong việc xây dựng nền khoa học và văn hoá tiên tiến của Nhật Bản và bằng kiến thức chuyên môn của mình, họ đóng góp to lớn vào công cuộc Cận đại hoá đất nước.

Cống hiến quan trọng nhất của lưu học sinh là họ đã góp phần đào tạo lớp trí thức mới, tầng lớp đóng vai trò thúc đẩy quá trình Cận đại hoá Nhật Bản. Có thể nói, hầu hết lưu học sinh đều trở thành các nhà khoa học đầu ngành ở các trường đại học và chuyên ngành non trẻ của Nhật Bản. Trong đó có nhiều người trở thành những nhà lãnh đạo ở các trường đại học, các cơ sở khoa học và các hội khoa học. Đáng chú ý nhất là Yamakawa Kenjiro (1854-1931), lưu học sinh ở Đại học New Brunswick, về sau làm Hiệu trưởng Đại học Tokyo và Đại học Kyoto. Lưu học sinh cũng đã tiếp thu tinh thần khoa học phương Tây, họ tích cực phê phán những mặt hạn chế kéo lùi sự phát triển của xã hội Nhật Bản, từ đó giúp cho chính quyền điều chỉnh các chính sách thích hợp và đúng đắn hơn. Bằng cách đó, họ cũng có đóng góp lớn vào quá trình dân chủ hoá xã hội Nhật Bản Cận đại. Ví như, năm 1873, lưu học sinh Nhật Bản ở Mỹ đã thành lập tổ chức *Jinrikisha* với mục đích chủ yếu là luận bàn những vấn đề của Nhật Bản, thế giới và xúc tiến quá trình Cận đại hoá Nhật Bản. Năm 1874, các cựu lưu học sinh ở Anh đã thành lập ở Tokyo một tổ chức *Kyozon Doshu* chủ

trường dân chủ hoá chính trị Nhật Bản. Một tổ chức khác cũng được thành lập bởi nhiều người đã có kinh nghiệm thị sát nước ngoài là *Meirokeisha*, đóng vai trò to lớn trong việc phê phán tư tưởng bảo thủ, truyền bá tư tưởng khai sáng cho dân chúng Nhật Bản.

Các lưu học sinh cũng đóng vai trò to lớn trong việc thành lập và điều hành hoạt động của các hội khoa học và các tạp chí học thuật. Đó là các Hội Toán học Tokyo (1877) do Kikuchi Dairoku sáng lập; Hội Công học Nhật Bản (1879), trong đó nòng cốt là lưu học sinh các ngành kỹ thuật; Hội Địa chấn Nhật Bản (1880) do Hattori Ichizo; Hội Sinh vật học Tokyo (1882) do Yatabe Ryokichi; Tạp chí *Gakusei Shirin* (1877, Đại học Tokyo), *Toyo Gakusei Zasshi* (1881)...

Đối với phong trào lưu học của thanh niên Nhật Bản cuối thế kỷ XIX, các chuyên gia nước ngoài cũng đã có vai trò to lớn trong việc khuyến khích thanh niên Nhật Bản ra nước ngoài lưu học, giới thiệu các trường thích hợp và chuẩn bị ngoại ngữ cho sinh viên trước khi đi lưu học. Và sau khi về nước, các lưu học sinh Nhật Bản đã hợp

tác tích cực với các chuyên gia nước ngoài, từng bước tiếp nhận vai trò của họ, phát huy tinh thần chủ động và sáng tạo trong việc phát triển khoa học và văn hoá của Nhật Bản Cận đại.

*

Trên đây, chúng tôi đã trình bày các chính sách của Chính phủ Meiji về lưu học sinh, nêu ra các giai đoạn chủ yếu trong phong trào lưu học sinh của sinh viên Nhật Bản và phân tích vai trò của lưu học sinh đối với sự nghiệp văn minh hoá, Cận đại hoá Nhật Bản. Bài nghiên cứu này đề cập đến vấn đề của Nhật Bản cách đây 150 năm. Tuy vậy, những bài học rút ra từ đó không phải là không có giá trị tham khảo cho chúng ta ngày nay. Trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Việt Nam rất cần phải học hỏi nền khoa học, kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài. Trong việc hoạch định và thực thi chính sách lưu học sinh, chúng ta cần phải tham khảo các chính sách của Chính phủ Nhật thời Meiji, nhất là quyết định ngành, trường và nước để gửi lưu học sinh đến học cũng như và quy chế về cho vay tiền đi lưu học.

CHÚ THÍCH

(1). Edwin O. Reischauer. *The Japanese*. Harvard University Press, 1978, tr. 85.

(2). Ardath W. Burks. *Japan's Outreach: The Ryugakusei*. Ardath W. Burks Ed., *The Modernizers: Overseas Students, Foreign Employees, anh Meiji Japan*. Westview Press, 1985, tr. 149.

(3). Ishizuki Minoru. *Overseas Study by Japanese in the Early Meiji Period*. Ardath W. Burks Ed., *The Modernizers: Overseas Students, Foreign Employees, anh Meiji Japan*. Westview Press, 1985, tr. 162, tác giả đã phân chia thành 2

loại lưu học sinh. Thực ra, loại thứ nhất là các đoàn ngoại giao hay đoàn thị sát nước ngoài hơn là lưu học sinh ở nước ngoài.

(4). Nhờ có kinh nghiệm trong các chuyến lưu học và thị sát ở nước ngoài mà Ito Hirobumi, vốn xuất thân từ vũ sĩ cấp thấp đã nhanh chóng trở thành chính trị gia có triển vọng nhất của giai đoạn đầu thời Meiji. Sau khi "Duy tân tam kiệt" (Saigo, Okubo, Kido) mất, Ito trở thành nhân vật trung tâm của Chính quyền Meiji. Ông là người chủ trì soạn thảo *Hiến pháp Meiji* và 4 lần giữ chức Thủ tướng.

(5). Ardath W. Burks. *Japan's Outreach: The Ryugakusei*. Sdd, tr. 151.

(6), (7). Ishizuki Minoru. *Overseas Study by Japanese in the Early Meiji Period*. Sdd, tr. 168, 169.

(8). Trong công trình *Kindai Nihon no kaigai ryugakusei (Lịch sử lưu học nước ngoài của Nhật Bản thời cận đại)*, Minerva, 1972, tr. 205, Ishizuki thống kê từ năm 1875 đến 1897 có 159 lưu học sinh được Chính phủ cấp học phí, trong đó phần lớn được gửi sang học ở Đức.

(9). Ishizuki Minoru. *Overseas Study by Japanese in the Early Meiji Period*. Sdd, tr. 172.

(10). Ardath W. Burks. *Japan's Outreach: The Ryugakusei*. Sdd, tr. 152.

(11). Những số liệu này được James Conte công bố trong bài *Meiji Ryugakusei. Overseas Study in the Development of Japan, 1867-1902*. Association for Asian Studies, Toronto, 1976. Theo Ardath W. Burks, *Japan's Outreach: The Ryugakusei*. Sdd, tr. 152.

(12). Theo Ardath W. Burks, *Japan's Outreach: The Ryugakusei*. Sdd, tr. 153. Trong số lưu học sinh hưởng học bổng Nhà nước, có đến gần 70% được gửi sang học ở Đức.

(13). Xem Kotake Fumio. *Shinmatsu ni okeru Chugoku no gaikoku ryugakusei (Lưu học sinh của Trung Quốc cuối thời nhà Thanh)*, trong Hayashi Tomoharu. *Kinsei Chugoku Kyoiku-shi kenkyu (Nghiên cứu Lịch sử giáo dục Trung Quốc cận đại)*. Kokushisha, Tokyo, 1958, tr. 351-353.

HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC CÁC MỎ THAN Ở THÁI NGUYÊN...

(Tiếp theo trang 44)

(13). *Mine à Thai Nguyen*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. Tài liệu đã dẫn. Hồ sơ số 76. 889/RST.

(14). Trả lương cho công nhân, công chức phục dịch 8.10 Frăng.

- Dầu mỡ, khấu hao máy móc	0.50 Frăng
- Nguyên vật liệu	0.48
- Cước phí vận chuyển	4.10
- Các loại thuế	7.08
- Chi phí khác	1.35
Tổng cộng	21.61 Frăng

(15). Tạp chí *Công nghiệp mỏ*, số 2-1995, tr. 6.

(16). Alfred Echinard. *Tiểu chí Thái Nguyên*, 1932. Tài liệu lưu trữ Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thái Nguyên.

(17). Tạp chí *Công nghiệp mỏ*, số 5-1995, tr. 5.

(18). *Province de Thai Nguyen*. Rapport économique 1939, 1940, 1941. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. Hồ sơ số 74.431, 74.432, 74.433/RST.